TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HS-ST
Ngày 03-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thúy Phương
Bà Nguyễn Bích Hằng
***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Mã Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 117/2023/TLST-HS, ngày 24/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST - HS, ngày 21/12/2023 đối với bị cáo:

Lô Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07 tháng 02 năm 1995 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lô Văn P (đã chết) và bà Vy Thị C; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 37/QĐ-XPHC, ngày 09/03/2021 bị Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Lô Văn T số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi trồng cây thuốc phiện; ngày 16/3/2021 đã nộp tiền phạt (đã được xoá tiền sự). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2023, tạm giam từ ngày 25/9/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

Người chứng kiến: Ông Nông Văn B, sinh năm 1964, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 ngày 19/9/2023, tổ công tác Công an huyện C phối hợp với Công an xã bình T2, huyện C, tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang trong tay bên trái của Lô Văn T, sinh năm 1995, trú tại: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có cất giấu 01 (một) mảnh nilon màu xanh bên trong có 01 (một) gói giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong có các chất bột màu trắng, Lô Văn T khai nhận là ma túy. Tang vật, đồ vật, tài sản tạm giữ gồm: 01 (một) mảnh nilon màu xanh bên trong có 01 (một) gói giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong có chất bột màu trắng nghi là chất ma túy.

Bản Kết luận giám định số 971/KL-KTHS ngày 25/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Chất bột màu trắng gửi giám định đều là chất ma túy Heroin, có khối lượng là 0,108 gam (đã trừ bì).

Tại Cơ quan điều tra, Lô Văn T khai nhận: Bản thân nghiện chất ma túy Heroin từ năm 2017 đến nay. Khi có nhu cầu sử dụng ma túy, Lô Văn T thường ra khu vực xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nhờ những người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ mua ma túy hộ. Khoảng 09 giờ 30 ngày 19/9/2023 Lô Văn T đi bộ từ nhà đến khu vực xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để gặp một người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) hỏi mua 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền ma túy thì được người đàn ông này đưa cho T 01 (một) gói ma túy. Sau khi mua được ma túy T đi bộ về khu vực thôn T, xã B, huyện C thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Tại Bản cáo trạng số 110/CT-VKS ngày 24/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lô Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo biết đó là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do nghiện ma tuý bị cáo phạm tội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lô Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lô Văn T từ 15 (mười lăm) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng tù giam. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói.

Về án phí: Bị cáo Lô Văn T là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên

đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi nói lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa người chứng kiến ông Nông Văn B vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của người chứng kiến không ảnh hưởng đến việc xét xử vì trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của họ. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người chứng kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Lô Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lô Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,108 gam chất ma túy Heroine nhằm mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo Lô Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Lô Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Nhà nước Việt Nam đã nghiêm cấm việc tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi và nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng do nghiện ma túy nên bị cáo cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo như sau:

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số,

thuộc hộ nghèo cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính 01 lần về hành vi trồng cây thuốc phiện. Mặc dù đã được xoá tiền sự nhưng bị cáo không rút kinh nghiệm lại có hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý. Do vậy, xác định bị cáo là người có nhân thân không tốt.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung tội phạm cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh ngày 25/9/2023 thể hiện: Bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo, bản thân và gia đình không có tài sản gì có giá trị do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì có ghi chữ "Quả tang Lô Văn T", có chữ ký cùng tên của giám định viên Bùi Anh T1, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng K tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) gói giấy đựng 0,095 gam Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và vỏ bao gói (cũ).

[11] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Lô Văn T, tại cơ quan điều tra Lô Văn T khai không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Do đó, Hội đồng xét xử không có đủ căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[12] Về án phí: Bị cáo Lô Văn T thuộc hộ nghèo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[14] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lô Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lô Văn T 18 (mười tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ tạm giữ ngày 19/9/2023.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì có ghi chữ "Quả tang Lô Văn T", có chữ ký cùng tên của giám định viên Bùi Anh T1, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng K tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) gói giấy đựng 0,095 gam Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và vỏ bao gói (cũ).

(Cụ thể, chi tiết vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện C*, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng sơn, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/11/2023).*

4. Về án phí: Bị cáo Lô Văn T được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (02 bản);
- Đội Tổng hợp Công an H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lương Thị Mỹ Hạnh